

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HUẾ**

Số: 127 /GPMT-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Huế, ngày 17 tháng 12 năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 05/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các Văn bản của Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng An Bảo Minh số 45/CV-ABM ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường; Văn bản số 88/CV-ABM ngày 05 tháng 12 năm 2025 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi Tróc Voi 1, phường Thủy Phương và phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy (nay là phường Thanh Thủy và phường Hương Thủy, thành phố Huế) và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 7708/TTr-SNNMT ngày 12 tháng 12 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng An Bảo Minh, địa chỉ tại số 133, đường Bùi Thị Xuân, phường Thuận Hóa, thành phố Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi Trốc Voi 1, phường Thủy Phương và phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy (nay là phường Thanh Thủy và phường Hương Thủy, thành phố Huế) với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên dự án: Khai thác khoáng sản đất, đá làm vật liệu san lấp tại khu vực đồi Trốc Voi 1, phường Thủy Phương và phường Thủy Châu, thị xã Hương Thủy (nay là phường Thanh Thủy và phường Hương Thủy, thành phố Huế).

1.2. Địa điểm hoạt động: phường Thanh Thủy và phường Hương Thủy, thành phố Huế.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với mã số doanh nghiệp: 3301712694 do Sở Tài chính cấp, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 6 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 27 tháng 6 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 3301712694.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh: khai thác khoáng sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án

- Tổng diện tích đất của Dự án 139.529,3 m² được giới hạn bởi các điểm có tọa độ (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰):

Stt	Tên mốc	Hệ tọa độ VN-2.000 (kinh tuyến trục 107 ⁰ , múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
01	M1	1.812.127,00	569.495,00
02	M2	1.812.189,07	569.491,84
03	M3	1.812.204,00	569.576,00
04	M4	1.812.460,31	569.520,42
05	M5	1.812.479,81	569.826,73
06	M6	1.812.063,99	569.841,00
07	M7	1.812.063,22	569.755,57
08	M8	1.811.866,24	569.780,42
09	M9	1.811.865,00	569.769,00
10	M10	1.811.944,00	569.684,00
11	M11	1.812.000,00	569.654,00

- Công suất khai thác:

+ Năm thứ 1 đến năm thứ 3:

* Đất làm vật liệu san lấp: 400.000 m³/năm (thể tự nhiên) ~ 510.000 m³/năm (thể nguyên khai).

+ Năm thứ 4 đến năm thứ 10:

* Đất làm vật liệu san lấp: 430.000 m³/năm (thể tự nhiên) = 548.250 m³/năm (thể nguyên khai).

* Khoáng sản đi kèm (đá làm vật liệu san lấp): 100.000m³/năm (thể tự nhiên) ~ 144.300 m³/năm (thể nguyên khai).

- Thời hạn khai thác: 10 năm 06 tháng (kể từ ngày ký Giấy phép khai thác, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là 06 tháng).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu bảo vệ môi trường theo các phương án giảm phát sinh bụi trong quá trình hoạt động khai thác quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng An Bảo Minh có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc

xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND thành phố, Chủ tịch UBND thành phố và các cơ quan thanh tra, kiểm tra về nội dung báo cáo, tính pháp lý, tính chính xác, đầy đủ về hồ sơ, nội dung thẩm định trình UBND thành phố Huế theo đúng các quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND thành phố;
- Công ty TNHH ĐT và XD An Bảo Minh;
- UBND phường Thanh Thủy;
- UBND phường Hương Thủy;
- Cổng Thông tin điện tử UBND thành phố;
- Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Hỗ trợ doanh nghiệp;
- VP: LĐ và các CV: TH, XD, DN;
- Lưu VT, CT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Quý Phương

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: nước mưa chảy tràn qua khu vực khai thác.
- Nguồn số 02: nước thải từ quá trình xịt, rửa xe (được thu gom, xử lý và tuần hoàn tái sử dụng, không xả thải ra môi trường).
- Nguồn số 03: nước thải phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân (hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý, không xả thải ra môi trường).

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận

Tại Dự án có 01 dòng nước thải sau xử lý được xả thải ra môi trường. Nước mưa chảy tràn sau khi qua hố lắng 02 sau đó tự chảy ra khe nước tự nhiên phía Đông Nam Dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải

Khe nước tự nhiên phía Đông Nam Dự án, phường Thanh Thủy, thành phố Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải

Khe nước tự nhiên phía Đông Nam Dự án. Tọa độ vị trí xả nước thải (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiều 3^0): X (m): 1.811.865,19; Y (m): 569.775,14.

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.028 m³/ngày (24 giờ).

2.2.2.1. Phương thức xả nước thải: tự chảy.

2.2.2.2. Chế độ xả thải: liên tục (24 giờ).

2.2.2.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C_{max} , cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1,0$)
1	pH	-	5,5 - 9
2	TSS	mg/l	90

Stt	Chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT, giá trị C_{max} , cột B, $Kq=0,9$, $Kf=1,0$)
3	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả thải ra nguồn nước tiếp nhận phải đáp ứng QCVN 40:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (ban hành kèm theo Thông tư số 06/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp), cụ thể như sau:

Stt	Các chất ô nhiễm	ĐVT	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2025/BTNMT, cột B)
1	pH	-	6 - 9
2	TSS	mg/l	≤ 60
3	BOD ₅	mg/l	≤ 50
4	COD	mg/l	≤ 70
5	Tổng Coliform	MPN/100ml	≤ 5.000
6	Độ màu	Pt/Co	≤ 100

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

a. Nước mưa chảy tràn

Nước mưa chảy tràn được thu gom theo mương xung quanh khu mỏ dẫn về hồ lắng 01 và hồ lắng 02.

Kết cấu mương dẫn: mương đất.

Kích thước: chiều dài khoảng 1.800m; chiều rộng khoảng 1m; chiều sâu khoảng 1m.

b. Nước thải sinh hoạt

Chủ dự án đã bố trí nhà vệ sinh di động để công nhân sinh hoạt. Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh của công nhân định kỳ được Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, xử lý.

c. Nước thải từ quá trình xịt, rửa xe

Nước thải tự chảy theo mương bê tông vào hố gom có kích thước $D \times R \times C = 3,4m \times 2,1m \times 0,8m$ sau đó tự chảy theo đường ống PVC Ø110 dài khoảng 5,5m

vào bể lắng 01 bằng BTCT có kích thước $D \times R \times C = 1,8\text{m} \times 1,8\text{m} \times 1,9\text{m}$ để lắng các chất rắn lơ lửng sau đó tiếp tục chảy theo đường ống PVC $\varnothing 70$ dài khoảng 4,5m vào bể lắng 02 bằng BTCT có kích thước $D \times R \times C = 2,8\text{m} \times 1,8\text{m} \times 2,1\text{m}$ để tiếp tục lắng các chất rắn lơ lửng còn lại. Nước sau khi xử lý tại bể lắng 02 được bơm theo đường ống nhựa mềm $\varnothing 70$ dài khoảng 12m bằng bơm công suất 5kW vào bồn chứa nước thể tích 5m^3 để tái sử dụng cho trạm xịt, rửa xe.

- Kích thước bể lắng:

+ Bể lắng 01 ($D \times R \times C$): $1,8\text{m} \times 1,8\text{m} \times 1,9\text{m}$.

+ Bể lắng 02 ($D \times R \times C$): $2,8\text{m} \times 1,8\text{m} \times 2,1\text{m}$.

- Vị trí: cạnh trạm xịt, rửa xe.

- Tọa độ địa lý của các bể lắng (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3°):

+ Bể lắng 01: X (m): 1.814.423,58; Y (m): 569.560,71.

+ Bể lắng 02: X (m): 1.814.424,79; Y (m): 569.562,14.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Thông tin hồ lắng 01:

+ Vị trí: nằm cạnh mố M1, trong phạm vi Dự án.

+ Thể tích: 1.000 m^3 .

+ Tọa độ địa lý của hồ lắng 01 (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3°): X (m): 1.812.125,34; Y (m): 569.518,15.

Thông tin hồ lắng 02:

+ Vị trí: nằm cạnh mố M8 và M9, trong phạm vi Dự án.

+ Thể tích: 1.500 m^3 .

+ Tọa độ địa lý của hồ lắng 02 (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trực 107° , múi chiếu 3°): X (m): 1.811.875,51; Y (m): 569.773,32.

1.3. Công trình thoát nước thải

- Nước mưa sau xử lý tại hồ lắng đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (giá trị $C_{\max}$, cột B, $K_q=0,9$, $K_f=1$).

- Nước thải sau xử lý được dẫn bằng mương thoát nước dài 5m ra khe nước tự nhiên phía Đông Nam Dự án.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Dự án không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp phép về khí thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI BỤI PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH KHAI THÁC

1. Phun nước chống bụi trên tuyến đường vận chuyển trong khu mỏ và từ cổng khu mỏ đến đường tránh Huế với tần suất đảm bảo tuyến đường luôn được giữ ẩm và không phát tán bụi.
2. Bố trí 01 trạm xịt, rửa xe tại vị trí trước khi vào đường tránh Huế.
3. Sử dụng bạt che kín các thùng xe, khi vận chuyển không chở quá thành xe, không vận chuyển quá trọng tải thiết kế của xe.
4. Lắp tua dây cao su tiếp xúc lốp xe để giảm bụi có thể xả ra từ lốp xe khi vận chuyển trên đường.
5. Kiểm soát tốc độ vận chuyển của xe, đặc biệt yêu cầu các lái xe giảm tốc độ khi đi qua các khu vực đông dân nhằm giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và hạn chế tai nạn giao thông.
6. Thường xuyên theo dõi và có biện pháp khắc phục tuyến đường vận chuyển từ Dự án cho đến tuyến đường tránh Huế nếu quá trình khai thác gây hư hỏng.
7. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi hoạt động làm phát sinh bụi và không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025
của UBND thành phố)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

Nguồn phát sinh: hoạt động của các phương tiện vận chuyển, hoạt động của các thiết bị, máy móc.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung tọa độ (theo Hệ tọa độ VN-2.000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3°) như sau:

Stt	Tên mốc	Hệ tọa độ VN-2000 (KTT 107°, múi chiếu 3°)	
		X (m)	Y (m)
01	M1	1.812.127,00	569.495,00
02	M2	1.812.189,07	569.491,84
03	M3	1.812.204,00	569.576,00
04	M4	1.812.460,31	569.520,42
05	M5	1.812.479,81	569.826,73
06	M6	1.812.063,99	569.841,00
07	M7	1.812.063,22	569.755,57
08	M8	1.811.866,24	569.780,42
09	M9	1.811.865,00	569.769,00
10	M10	1.811.944,00	569.684,00
11	M11	1.812.000,00	569.654,00

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau

3.1. Tiếng ồn

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung. Giá trị giới hạn như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	70	60	Khu vực thông thường

- Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, giá trị tối đa cho phép đối với mức ồn phát sinh, mức gia tốc rung phải đáp ứng quy định tương ứng tại QCVN 26:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung (ban hành kèm theo Thông tư số 01/2025/TT-BNNMT ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành 03 quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng môi trường xung quanh).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Xây dựng kế hoạch khai thác, sử dụng máy móc thiết bị, vận chuyển hợp lý về cả số lượng các loại máy móc, phương tiện và lộ trình di chuyển; không tập trung nhiều máy móc, phương tiện vận chuyển vào cùng một thời điểm, trên cùng một khu vực, tránh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ, kiểm tra sự cân bằng của máy móc, thiết bị trước khi khai thác, khai thác đúng công suất thiết kế, đúng tải trọng quy định.

- Điều chỉnh số lượng máy móc sử dụng một cách luân phiên cho hợp lý để hạn chế sự cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Hạn chế sử dụng còi hơi và giảm tốc độ xe khi đi qua các khu vực dân cư.

- Bố trí thời gian vận chuyển hợp lý. Hạn chế vận chuyển vào giờ nghỉ ngơi của người dân.

- Đối với những công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn ồn, trang bị các dụng cụ bảo vệ tai đúng tiêu chuẩn nhằm giảm những hậu quả do tiếng ồn gây ra.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025
của UBND thành phố)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

Quá trình bảo dưỡng xe được thực hiện tại các gara sửa xe trên địa bàn nên không phát sinh chất thải nguy hại (CTNH).

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Chất thải rắn sinh (CTR) hoạt phát sinh khoảng 5,6 kg/ngày.

1.3. Khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh

Bùn thải phát sinh từ quá trình nạo vét các hồ lắng khoảng 600 m³/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ và phương pháp xử lý chất thải nguy hại

Tại khu vực mỏ không diễn ra công tác sửa chữa nên không phát sinh CTNH. Do đó, tại Dự án không bố trí công trình lưu giữ, xử lý CTNH.

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ và phương pháp xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Bùn đất tại các hồ lắng trong khu mỏ được thu gom và tập kết tại khu vực cạnh mốc M2, làm gờ chắn xung quanh để tránh hiện tượng bùn bị nước mưa lôi kéo. Bùn khô được sử dụng san gạt để cải tạo, phục hồi môi trường.

2.3. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Tiến hành phân loại CTR sinh hoạt:

+ Nhóm tái chế, tái sử dụng: giấy các loại, nhựa các loại, kim loại các loại, thủy tinh các loại.

+ Nhóm chất thải thực phẩm.

+ Nhóm chất thải còn lại (không bao gồm chất thải xây dựng và xác chết vật nuôi).

- Bố trí 03 thùng bằng nhựa HDPE (thể tích 120 lít/thùng) đặt tại nhà văn phòng để chứa CTR sinh hoạt.

- Chủ dự án hợp đồng với Công ty TNHH Hằng Trung theo Hợp đồng số 10/HT/2025/HĐDVNSH ngày 01/8/2025 để thu gom, vận chuyển CTR sinh hoạt.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Các biện pháp phòng ngừa tai nạn lao động, tai nạn giao thông

- Công nhân vận hành máy móc thiết bị như máy đào, máy ủi được đào tạo và đảm bảo thông thạo kỹ thuật trước khi vận hành máy.

- Trang bị thiết bị bảo hộ lao động và vệ sinh lao động đồng thời có chế độ kiểm tra việc chấp hành của người lao động.

- Các phương tiện vận chuyển đúng trọng tải, có che chắn khi vận chuyển tránh rơi vãi ảnh hưởng đến an toàn giao thông; trường hợp rơi vãi, Chủ dự án sẽ bố trí công nhân thu gom đất rơi vãi.

- Ban hành nội quy, quy định làm việc tại Dự án và Chủ dự án hoặc bộ phận quản lý tiến hành giám sát việc thực hiện nội quy của công nhân.

- Tổ chức các buổi tập huấn về an toàn lao động cho công nhân.

- Có chế độ làm việc, nghỉ ngơi với thời gian hợp lý.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng thiết bị, máy móc trong quá trình khai thác.

- Quá trình khai thác nếu gặp bom mìn, Chủ dự án sẽ tiến hành dừng khai thác và báo cáo cho chính quyền địa phương xử lý; và chỉ khai thác trở lại sau khi đã xử lý xong bom mìn.

- Xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc nội quy an toàn lao động.

2. Các biện pháp phòng chống cháy nổ

- Trong quá trình khai thác sẽ định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy chữa cháy (PCCC). Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Nghiêm cấm hoạt động đốt lửa, ăn uống tại khu vực khai thác.

- Xây dựng phương án PCCC phù hợp để sẵn sàng đối phó kịp thời trong mọi trường hợp một cách chủ động và có hiệu quả.

- Định kỳ kiểm tra công tác PCCC, tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

- Tập huấn, nâng cao hiểu biết và khả năng ứng phó khi có cháy xảy ra cho công nhân của Dự án.

- Không sử dụng phương pháp đốt lửa để phát quang.

- Lắp đặt biển cảnh báo nguy cơ cháy nhằm hạn chế tối đa phát sinh cháy do xung quanh khu vực khai thác có nhiều rừng trồng.

- Khai thác theo đúng thiết kế, không khai thác vào khu vực hành lang an toàn lưới điện, hạn chế khai thác vào những ngày mưa và có sét.

3. Các biện pháp phòng ngừa sự cố sạt lở đất

- Tuân thủ các yêu cầu kỹ thuật trong khai thác.
- Xây dựng phương án chống sạt lở tại công trình và cam kết thực hiện theo đúng phương án đã xây dựng, cụ thể:

- + Bố trí công nhân phụ trách an toàn mỏ có chuyên môn để thường xuyên theo dõi, giám sát, điều hành hoạt động khai thác theo đúng kỹ thuật, tránh để sự cố sạt lở đất xảy ra.

- + Yêu cầu tất cả công nhân, người lao động, quản lý rời khỏi khu vực Dự án trong trường hợp mưa bão, không ở lại nhà văn phòng.

- + Khi trời mưa to, đất bờ rời thì nguy cơ sạt lở cao, vì vậy Chủ dự án sẽ tạm ngừng khai thác để tránh những thiệt hại do sự cố này gây ra.

- + Không đào khoét, khai thác hồng chân và tránh những chấn động, những mảnh đất có nguy cơ bị sụp đổ. Khơi thông mương thoát nước tại các chân tầng khai thác, mương thoát nước của khu vực mỏ trước mỗi mùa mưa bão.

- Đảm bảo góc dốc sườn tầng khai thác, sườn tầng kết thúc theo đúng quy định tại quy phạm khai thác mỏ hiện hành. Tổ chức khai thác đúng tọa độ, diện tích, độ sâu, công suất, trữ lượng và các thông số hệ thống khai thác được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

- Khi phát hiện có dấu hiệu, hiện tượng sạt lở bờ moong phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Thực hiện biện pháp cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cuốn chiếu.

4. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn công trình

- Lắp đặt biển cảnh báo xung quanh khu vực khai thác và hồ lắng của Dự án nhằm hạn chế tối đa tai nạn có thể xảy ra khi con người đi qua khu vực khai thác.

- Yêu cầu các phương tiện vận chuyển chạy chậm trong khu vực khai thác.

- Công nhân trong mỏ được phổ biến an toàn và kiểm tra sát hạch trước khi làm việc.

- Công nhân phải mang đầy đủ trang bị bảo hộ, chấp hành nghiêm chỉnh những quy định an toàn nơi làm việc.

- Khi bố trí công nhân làm việc, Chủ dự án trực tiếp chỉ đạo sản xuất sẽ xem xét cụ thể tại hiện trường, nếu đảm bảo an toàn mới được bố trí công việc.
- Khi giao việc mỗi ca, công nhân điều hành ghi vào sổ phân công, phiếu giao việc cho từng công nhân, trong đó biện pháp an toàn phải ghi cụ thể và đầy đủ. Người giao và người nhận việc phải ký vào sổ hoặc phiếu giao việc.
- Các thiết bị sử dụng sẽ có sổ hướng dẫn quy trình vận hành, nội quy sử dụng và được duy tu bảo dưỡng thường xuyên theo định kỳ và đúng kỹ thuật.
- Tính toán, lựa chọn các thông số của hệ thống khai thác tuyệt đối đảm bảo về mặt an toàn mới được đưa ra khai thác.

5. Biện pháp phòng ngừa sự cố dịch bệnh, an toàn thực phẩm

- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...
- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hàng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi,...
- Thực hiện ăn uống đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm.

6. Biện pháp phòng ngừa sự cố với hồ lắng

- Định kỳ nạo vét các hồ lắng khoảng 01 tháng/lần vào mùa mưa (tập trung 4 tháng, từ tháng 9 - tháng 12) để đảm bảo công năng của hồ lắng.
- Sau mỗi mùa mưa bão, tiến hành nạo vét, gia cố lại các hồ lắng, mương thoát nước.
- Kiểm tra các biển báo xung quanh các hồ lắng để cảnh báo người dân.

7. Biện pháp phòng ngừa sự cố tại trạm xịt, rửa xe

- Dự phòng máy móc thiết bị của trạm xịt để thay thế kịp thời trong trường hợp xảy ra hư hỏng máy móc thiết bị.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị của trạm xịt, rửa xe.
- Trường hợp sự cố xảy ra, Chủ dự án sẽ bố trí tạm thời trạm xịt thủ công bằng cách sử dụng xe bồn phun xịt, song song đó Chủ dự án thực hiện thay thế máy móc thiết bị hư hỏng.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 127/GPMT-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2025
của UBND thành phố)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường

- Sau khi khai thác năm thứ 1:
 - + Xúc đất, vận chuyển đất đến các vị trí trồng cây.
 - + Trồng cây trên diện tích đất đào hố với mật độ trồng 2.500 cây/ha.
- Sau khi khai thác năm thứ 2:
 - + Xúc đất, vận chuyển đất đến các vị trí trồng cây.
 - + Trồng cây trên diện tích đất đào hố với mật độ trồng 2.500 cây/ha.
- Sau khi khai thác năm thứ 5:
 - + Xúc đất, vận chuyển đất đến các vị trí trồng cây.
 - + Trồng cây trên diện tích đất đào hố với mật độ trồng 2.500 cây/ha.
- Sau khi khai thác năm thứ 8:
 - + Xúc đất, vận chuyển đất đến các vị trí trồng cây.
 - + Trồng cây trên diện tích đất đào hố với mật độ trồng 2.500 cây/ha.
- Sau khi khai thác năm thứ 10:
 - + Xúc đất, vận chuyển đất đến các vị trí trồng cây.
 - + Trồng cây trên diện tích đất đào hố với mật độ trồng 2.500 cây/ha.
 - + San lấp 02 hồ lắng.
 - + San lấp mương thoát nước.
 - + Tháo dỡ kho chất thải, trạm cân.
- + Duy tu bảo dưỡng tuyến đường từ Dự án đến điểm giao với đường tránh Huế với chiều dài tuyến khoảng 3 km.

Sau khi cải tạo, phục hồi môi trường sẽ bàn giao mặt bằng lại cho địa phương. Tổng hợp các nội dung cải tạo, phục hồi môi trường theo bảng sau:

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Định mức áp dụng	Thời gian thực hiện
I	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 1				

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Định mức áp dụng	Thời gian thực hiện
1	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	364,8	AB.24133	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 1
2	Vận chuyển đất	m ³	364,8	AM.23231	
3	Xúc đất từ phương tiện vận chuyển xuống	m ³	364,8	AB.24133	
4	San gạt đất	m ³	364,8	AB.34110	
5	Trồng cây	ha	2,28	Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT	
II	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 2				
1	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	264	AB.24133	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 2
2	Vận chuyển đất	m ³	264	AM.23231	
3	Xúc đất từ phương tiện vận chuyển xuống	m ³	264	AB.24133	
4	San gạt đất	m ³	264	AB.34110	
5	Trồng cây	ha	1,65	Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT	
III	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 5				
1	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	464	AB.24133	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 5
2	Vận chuyển đất	m ³	464	AM.23231	
3	Xúc đất từ phương tiện vận chuyển xuống	m ³	464	AB.24133	
4	San gạt đất	m ³	464	AB.34110	
5	Trồng cây	ha	2,9	Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT	
IV	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 8				
1	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	496	AB.24133	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 8
2	Vận chuyển đất	m ³	496	AM.23231	

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Định mức áp dụng	Thời gian thực hiện
3	Xúc đất từ phương tiện vận chuyển xuống	m ³	496	AB.24133	
4	San gạt đất	m ³	496	AB.34110	
5	Trồng cây	ha	3,1	Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT	
V	Sau khi kết thúc khai thác năm thứ 10				
1	Lấp đất các hồ lắng				Sau khi kết thúc khai thác
-	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	2.500	AB.24133	
-	Vận chuyển đất	m ³	2.500	AM.23231	
-	San đất	m ³	2.500	AB.34110	
2	Lấp đất mương thoát nước				
-	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	1.800	AB.24133	
-	Vận chuyển đất	m ³	1.800	AM.23231	
-	San đất	m ³	1.800	AB.34110	
3	Trồng cây				
-	Xúc đất bằng máy đào lên phương tiện vận chuyển	m ³	643,2	AB.24133	
-	Vận chuyển đất	m ³	643,2	AM.23231	
-	Xúc đất từ phương tiện vận chuyển xuống	m ³	643,2	AB.24133	
-	San gạt đất	m ³	643,2	AB.34110	
-	Trồng cây	ha	4,02	Thông tư số 21/2023/TT-BNNPTNT	
4	Tháo dỡ kho chất thải, trạm cân				
4.1	Kho chất thải				
-	Tháo dỡ mái tôn bằng thủ công, chiều cao ≤6m	m ²	10	AA.31221	
-	Tháo dỡ kết cấu sắt thép bằng thủ công, chiều cao ≤6m	tấn	0,5	AA.31121	

Stt	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Định mức áp dụng	Thời gian thực hiện
-	Phá dỡ nền - Nền bê tông, không cốt thép	m ³	2	SA.11231	
-	Phá dỡ móng bê tông có cốt thép	m ³	3	SA.11113	
4.2	Tháo dỡ trạm cân				
-	Phá dỡ nền - Nền bê tông có cốt thép	m ³	10	SA.11232	
4.3	Vận chuyển phế thải bằng xe ô tô 7 tấn trong phạm vi 1 km	m ³	15	SB.94411	
5	Duy tu bảo dưỡng tuyến đường vận chuyển	km	3	TT	
6	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/2.000, đường đồng mức 2m, cấp địa hình IV	ha	13,95	CK.11840	

2. Chi phí cải tạo, phục hồi môi trường

- Tổng số tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường: 2.654.601.000 đồng.
- Phương thức ký quỹ:
 - + Số lần ký quỹ: 10 lần.
 - + Số tiền ký quỹ lần đầu: 530.920.200 đồng.
 - + Số tiền ký quỹ mỗi lần còn lại: 235.964.533 đồng.
- Đến nay, Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ 02 lần với số tiền là 795.412.845 đồng. Thời điểm ký quỹ của các năm còn lại: thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.
 - Số tiền ký quỹ nêu trên chưa bao gồm yếu tố trượt giá sau năm 2025.
 - Nơi nhận tiền ký quỹ:
 - + Quỹ bảo vệ môi trường thành phố Huế.
 - + Địa chỉ: tầng 3, tòa nhà A, số 115 đường Nguyễn Huệ, phường Thuận Hóa, thành phố Huế.

- Điện thoại: (0234)-3.938 085.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công ty TNHH MTV Đầu tư và Xây dựng An Bảo Minh chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường của Dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025).

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.